

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 722/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 17 - 6 - 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Trần Thúy Duyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Châu Thị Lệ

Bà Võ Thị Mai

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Thảo Nguyên - Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh:** Không tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 289/2025/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 3 năm 2025 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 237/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1990; địa chỉ: Lô B173 MBQH08 phường Nam Ngạn, thành phố T, tỉnh T; địa chỉ liên lạc: Số 02 đường Ngô Văn S, phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Bị đơn: Ông Lê Quang H, sinh năm 1992; địa chỉ: Số 904/52 đường Nguyễn K, Phường B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 19 tháng 02 năm 2025 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:*

Bà và ông Lê Quang H chung sống với nhau vào năm 2017 trên cơ sở tự nguyện; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa theo Giấy chứng nhận kết hôn số 70 ngày 21/9/2017. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, mặc dù bà đã cố gắng rất nhiều để vợ chồng hàn gắn mâu

thuần nhưng vẫn không có kết quả, cuộc sống chung không hạnh phúc nên đã sống ly thân từ tháng 01/2020. Nay bà xác định vợ chồng không còn tình cảm, mâu thuẫn không thể hàn gắn được nên đề nghị Tòa giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huy.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Bị đơn ông Lê Quang H trình bày tại bản tự khai ngày 17/4/2025:*

Ông thống nhất với lời khai của bà Nhung về việc đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm nên thường xuyên xảy ra tranh cãi, tạo áp lực tâm lý mệt mỏi cho cả hai dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 01/2020 cho đến nay. Ông xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể hàn gắn nên bà Nhung yêu cầu ly hôn ông đồng ý.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án cả nguyên đơn và bị đơn đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời yêu cầu Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt; đồng thời nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Xét đơn kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là quan hệ “Ly hôn”. Do bị đơn cư trú tại quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 do Ủy ban nhân dân phường Nam Ngạn, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/9/2017, xác định hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị N và ông Lê Quang H là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận thấy nguyên nhân nguyên đơn xin ly hôn là do bất đồng quan điểm, cuộc sống chung không

hạnh phúc, thời gian sống ly thân đã lâu. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa đã triệu tập hòa giải nhằm tạo điều kiện cho vợ chồng hàn gắn mâu thuẫn nhưng cả hai không đến Tòa để giải quyết những mâu thuẫn, vướng mắc trong cuộc sống vợ chồng, không quan tâm đến cuộc hôn nhân này nên không có thiện chí muốn hàn gắn lại quan hệ vợ chồng; nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa không tiến hành hòa giải và các bên đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đồng thời yêu cầu Tòa đưa vụ án ra xét xử vắng mặt. Xét thấy, hôn nhân chỉ đạt được mục đích khi xuất phát từ tình yêu thương giữa hai vợ chồng, phải cùng quan tâm, chia sẻ và chăm sóc lẫn nhau, thời gian vợ chồng xảy ra mâu thuẫn đã lâu nhưng cả hai không có hướng khắc phục, giải quyết, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt hơn. Từ những phân tích trên cho thấy cuộc sống vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn hoàn toàn không hạnh phúc, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng không thể hàn gắn được, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không có. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Về con chung: Không có.

Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Án phí hôn nhân sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 4 Điều 147, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các điều 51, 54, 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Quang H (Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 do Ủy ban nhân dân phường Nam Ngạn, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 21/9/2017 hết hiệu lực pháp luật).

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Nguyễn Thị N phải chịu, được căn trừ vào tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 70 ngày 17/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Nhung đã nộp đủ án phí.

Thi hành tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền được thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.G;
- Chi cục THADS Q.G;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
(đã ký)

**Nguyễn Trần Thúy Duyên**